**TÀI LIỆU HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

*Ngày 01 tháng 11 năm 2022*

**I. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (Nhóm 1,2,3,5)**

**1. Tổng quan về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động**

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động gồm:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số: 84/2015/QH13;

- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;

- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Nghị định số28/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Nghị định số 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc;

- Thông tư số 07/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 05 năm 2016 quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 06 năm 2016 hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khoẻ người lao động;

- Thông tư số 16/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 quy định chi tiết một số nội dung về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết vị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

**-** Thông tư số 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động;

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

- Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 ban hành danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

- Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp, công bố, đánh giá về tình hình tai nạn lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng;

**-** Thông tư số 28/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

**2. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động**

- QCVN 01:2008/BLĐTBXH QCVN về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực.

- [**QCVN 03:2011/ BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/2020571002371.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện.

- [**QCVN: 06/2012/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/20205710225229.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Mũ an toàn công nghiệp.

- [**QCVN: 07/2012/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/20202251453543.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn lao động đối với thiết bị nâng.

- [**QCVN 08:2012/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/20205710317895.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về những thiết bị bảo vệ đường hô hấp – bộ lọc bụi.

- [**QCVN 09: 2012/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/20205710421940.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ.

- [**QCVN 17:2013/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/202057101643464.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với công việc hàn hơi.

- [**QCVN 25:2015/BLĐTBXH**](http://antoandoluong.com/Files/Docs/2020225151145679.pdf) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với xe nâng hàng sử dụng động cơ, có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.

**3. Các quy định cụ thể của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo các công trình, các cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động**

- Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019)

- Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020).

**II. Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động**

**1. Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao** động ở cơ sở; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động (Đối tượng 2)

**1.1. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động** (Điều 72 Luật ATVSLĐ)

1.1.1. Căn cứ vào quy mô, tính chất lao động, nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, điều kiện lao động mà người sử dụng lao động phải bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc thành lập bộ phận quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở.

Điều 36. Tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động (NĐ 39/2016)

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khác với lĩnh vực, ngành nghề: khai khoáng, sản xuất than cốc, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất hóa chất… người sử dụng lao động phải tổ chức bộ phận an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở bảo đảm các yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 300 người lao động, phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách;

- Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ đại học thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuật;

b) Có trình độ cao đẳng thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuật; có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của cơ sở;

c) Có trình độ trung cấp thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuật hoặc trực tiếp làm các công việc kỹ thuật; có 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

1.1.2. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc bộ phận an toàn, vệ sinh lao động có nhiệm vụ tham mưu, giúp người sử dụng lao động tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy, nổ;

b) Xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;

c) Quản lý và theo dõi việc khai báo, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

d) Tổ chức thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; sơ cứu, cấp cứu, phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

đ) Tổ chức tự kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động; điều tra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp bộ phận y tế tổ chức giám sát, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại;

g) Tổng hợp và đề xuất với người sử dụng lao động giải quyết kiến nghị của đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra và người lao động về an toàn, vệ sinh lao động;

h) Phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên;

i) Tổ chức thi đua, khen thưởng, xử lý kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.1.3. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, bộ phận an toàn, vệ sinh lao động có quyền sau đây:

a) Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định tạm đình chỉ công việc trong trường hợp khẩn cấp khi phát hiện các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động;

b) Đình chỉ hoạt động của máy, thiết bị không bảo đảm an toàn hoặc đã hết hạn sử dụng;

c) Được người sử dụng lao động bố trí thời gian tham dự lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

1.1.4. Người làm công tác an toàn, vệ sinh, lao động phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kỹ thuật và có hiểu biết về thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

1.1.5. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không bố trí được người hoặc không thành lập được bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này thì phải thuê các tổ chức có đủ năng lực theo quy định của pháp luật thực hiện các nhiệm vụ an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 2 Điều này.

**1.2. Bộ phận y tế (Điều****73 Luật ATVSLĐ)**

1.2.1. Căn cứ vào quy mô, tính chất lao động, nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, điều kiện lao động mà người sử dụng lao động phải bố trí người làm công tác y tế hoặc thành lập bộ phận y tế chịu trách nhiệm chăm sóc và quản lý sức khỏe của người lao động.

*Điều 37. Tổ chức bộ phận y tế (NĐ 39/2016)*

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề khác với lĩnh vực, ngành nghề chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, khai khoáng… người sử dụng lao động phải tổ chức bộ phận y tế tại cơ sở bảo đảm các yêu cầu tối thiểu sau đây: Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng dưới 500 người lao động ít nhất phải có 01 người làm công tác y tế trình độ trung cấp;

- Người làm công tác y tế ở cơ sở này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ chuyên môn y tế bao gồm: bác sỹ, bác sỹ y tế dự phòng, cử nhân điều dưỡng, y sỹ, điều dưỡng trung học, hộ sinh viên;

b) Có chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động.

- Người sử dụng lao động phải thông báo thông tin của người làm công tác y tế cơ sở theo mẫu với Sở Y tế cấp tỉnh, nơi cơ sở có trụ sở chính.

- Trường hợp cơ sở không bố trí được người làm công tác y tế hoặc không thành lập được bộ phận y tế theo quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định

b) Thông báo thông tin cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên theo mẫu với Sở Y tế cấp tỉnh, nơi cơ sở có trụ sở chính.

1.2.2. Người làm công tác y tế, bộ phận y tế có nhiệm vụ tham mưu, giúp người sử dụng lao động và trực tiếp thực hiện việc quản lý sức khỏe của người lao động, với nội dung chủ yếu sau đây:

a) Xây dựng phương án, phương tiện sơ cứu, cấp cứu, thuốc thiết yếu và tình huống cấp cứu tai nạn lao động, tổ chức tập huấn công tác sơ cứu, cấp cứu cho người lao động tại cơ sở;

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, giám định y khoa xác định mức suy giảm khả năng lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, điều dưỡng và phục hồi chức năng lao động, tư vấn các biện pháp phòng, chống bệnh nghề nghiệp; đề xuất, bố trí vị trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động;

c) Tổ chức khám bệnh, chữa bệnh thông thường tại cơ sở và sơ cứu, cấp cứu người bị nạn khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động theo quy định;

d) Tuyên truyền, phổ biến thông tin về vệ sinh lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc; kiểm tra việc chấp hành điều lệ vệ sinh, tổ chức phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm cho người lao động tại cơ sở; tổ chức thực hiện bồi dưỡng hiện vật theo quy định;

đ) Lập và quản lý thông tin về công tác vệ sinh, lao động tại nơi làm việc; tổ chức quan trắc môi trường lao động để đánh giá các yếu tố có hại; quản lý hồ sơ sức khỏe người lao động, hồ sơ sức khỏe của người bị bệnh nghề nghiệp (nếu có);

e) Phối hợp với bộ phận an toàn, vệ sinh lao động thực hiện các nhiệm vụ có liên quan quy định.

1.2.3. Người làm công tác y tế, bộ phận y tế có quyền sau đây:

a) Yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc hoặc có thể quyết định việc tạm đình chỉ công việc trong trường hợp khẩn cấp khi phát hiện các dấu hiệu vi phạm hoặc các nguy cơ gây ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật, ốm đau cho người lao động, đồng thời phải báo cáo người sử dụng lao động về tình trạng này; quản lý trang thiết bị y tế, thuốc phục vụ sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc; hướng dẫn sơ cứu, cấp cứu cho người lao động tại cơ sở;

b) Đình chỉ việc sử dụng các chất không bảo đảm quy định về an toàn, vệ sinh lao động;

c) Được người sử dụng lao động bố trí thời gian tham gia các cuộc họp, hội nghị và giao dịch với cơ quan y tế địa phương hoặc y tế bộ, ngành để nâng cao nghiệp vụ và phối hợp công tác.

1.2.4. Người làm công tác y tế ở cơ sở phải có trình độ chuyên môn về y tế và chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động.

1.2.5. Trường hợp cơ sở không bố trí được người làm công tác y tế hoặc không thành lập được bộ phận y tế theo quy định thì phải có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ năng lực theo quy định.

**2. Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động**

Mỗi doanh nghiệp cần phân công cụ thể, xác định trách nhiệm của từng cán bộ phụ trách công tác ATVSLĐ; ban hành quy chế hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

**III. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**1. Kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc**

1.1. Một số khái niệm

- *An toàn lao động* là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

- *Vệ sinh lao động* là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

- *Yếu tố nguy hiểm* là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

- *Yếu tố có hại* là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

- *Tai nạn lao động* là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

- *Bệnh nghề nghiệp* là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.

1.2. Nguyên tắc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động (Điều 5 Luật ATVSLĐ)

- Bảo đảm quyền của người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.

- Tuân thủ đầy đủ các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động; ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, loại trừ, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trong quá trình lao động.

- Tham vấn ý kiến tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện người sử dụng lao động, Hội đồng về an toàn, vệ sinh lao động các cấp trong xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch về an toàn, vệ sinh lao động.

**2. Phương pháp cải thiện điều kiện lao động**

2.1. Quy định về cải thiện điều kiện lao động (Điều 20 Luật ATVSLĐ)

- Người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động tại nơi làm việc.

- Khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.

2.2. Các biện pháp về kỹ thuật an toàn

2.2.1. *Thiết bị che chắn*

Mục đích để cách ly vùng nguy hiểm và người lao động và ngăn ngừa người lao động rơi, tụt, ngã hoặc vật rơi, văng vào người lao động.

Yêu cầu đối với thiết bị che chắn: Ngăn ngừa được tác động xấu do bộ phận của thiết bị sản xuất gây ra; Không gây trở ngại cho thao tác của người lao động; Không ảnh hưởng đến năng suất lao động, công suất của thiết bị; Dễ dàng tháo lắp, sửa chữa khi cần thiết.

*2.2.2. Thiết bị bảo hiểm hay thiết bị phòng ngừa*

Thiết bị bảo hiểm: Ngăn chặn tác động xấu do sự cố của quá trình sản xuất gây ra; ngăn chặn, hạn chế sự cố sản xuất. Sự cố gây ra có thể do quá tải, bộ phận chuyển động đã chuyển động quá vị trí giới hạn, nhiệt độ cao hoặc thấp quá, cường độ dòng điện quá cao…. Khi đó thiết bị bảo hiểm tự động dừng hoạt động của máy, thiết bị hoặc bộ phận của máy.

*2.2.3. Tín hiệu, báo hiệu*

Hệ thống tín hiệu, báo hiệu nhằm mục đích nhắc nhở cho người lao động kịp thời tránh không bị tác động xấu gồm các biển báo, đèn báo, cờ hiệu, còi báo động...; Hướng dẫn thao tác như: Bảng điều khiển, hệ thống tín hiệu bằng tay điều khiển cần trục, lùi xe ô tô...; Nhận biết qui định về kỹ thuật an toàn dấu hiệu qui ước về màu sắc, hình vẽ như: sơn để đoán nhận biết các chai, biển báo để chỉ đường ...

Báo hiệu, tín hiệu có thể dùng ánh sáng, màu sắc, âm thanh, màu sơn, hình vẽ, bảng chữ, đồng hồ, dụng cụ đo lường, v.v...

Một số yêu cầu đối với tín hiệu, háo hiệu là đễ nhận biết, khả năng nhầm lẫn thấp, độ chính xác cao, dễ thực hiện, phù hợp với tập quán, cơ sở khoa học kỹ thuật và yêu cầu của tiêu chuẩn hóa.

*2.2.4. Khoảng cách an toàn*

Khoảng cách an toàn là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa chúng với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất. Như khoảng cách cho phép giữa đường dây điện trần tới người, khoảng cách an toàn khi nổ mìn ... Tùy thuộc vào quá trình công nghệ, đặc điểm của từng loại thiết bị... mà qui định các khoảng cách an toàn khác nhau. Việc xác định khoảng cách an toàn rất cần chính xác, đòi hỏi phải tính toán cụ thể. Dưới đây là một số dạng khoảng cách an toàn: Khoảng cách an toàn giữa các phương tiện vận chuyển; khoảng cách an toàn về vệ sinh lao động; khoảng cách an toàn đối với một số nghề riêng biệt như: Lâm nghiệp, Xây dựng, Cơ khí, Điện...

*2.2.5. Cơ cấu điều khiển, phanh hãm, điều khiển từ xa*

Cơ cấu điều khiển: có thể là các nút mở máy, đóng máy, hệ thống tay gạt, vô lăng điều khiển ... để điểu khiển theo ý muốn người lao động và không nằm gần vùng nguy hiểm, dễ phân biệt, phù hợp với người lao động ... tạo điều kiện thao tác thuận lợi, điều khiển chính xác nên tránh được tai nạn lao động.

Phanh hãm và các loại khóa liên động: Phanh hãm nhằm chủ động điều khiển vận tốc chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động.

Khóa liên động là loại cơ cấu nhằm tự động loại trừ khả năng tai nạn lao động khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác như: đóng bộ phận bao che rồi mới được mở máy ...

Điều khiển từ xa: tác dụng đưa người lao động ra khỏi vùng nguy hiểm đồng thời giảm nhẹ điều kiện lao động nặng nhọc như điều khiển đóng mở hoặc điều chỉnh các van trong công nghiệp hóa chất, điều khiển sản xuất từ phòng điều khiển trung tâm ở các nhà máy điện hạt nhân ....

*2.2.6. Thiết bị an toàn riêng biệt cho một số loại thiết bị, công việc*

Đối với một số loại thiết bị, công việc của người lao động mà những biện pháp, dụng cụ thiết bị an toàn cũng không thích hợp, cần thiết phải có thiết bị, dụng cụ an toàn riêng biệt như: dụng cụ cầm tay trong công nghiệp phóng xạ, công nghiệp hóa chất dụng cụ này phải đảm bảo thao tác chính xác, đồng thời người lao động không bị các tác động xấu.

Việc nối đất an toàn cho các thiết bị khi bình thường thì được cách điện nhưng có khả năng mang điện khi sự cố như vỏ của máy điện, vỏ động cơ, vỏ cáp điện ... Việc tự ngắt điện bảo vệ khi có điện các rơle điện là những thiết bị riêng biệt bảo đảm an toàn cho người lao động.

Dây đai an toàn cho những người làm việc trên cao; sàn thao tác và thảm cách điện, sào công tác cho công nhân vận hành điện; phao bơi cho người làm việc trên sông nước ...

*2.2.7. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân*

Trang bị phương tiện cá nhân được chia làm bảy loại theo yêu cầu bảo vệ như: bảo vệ mắt, bảo vệ cơ quan hô hấp, bảo vệ cơ quan thính giác, bảo vệ tay, bảo vệ chân, bảo vệ thân và đầu người. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp kỹ thuật bổ sung, hỗ trợ nhưng có vai trò rất quan trọng (đặc biệt là trong điều kiện thiết bị, công nghệ lạc hậu).

2.3. Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động

- Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc;

- Nâng cấp, hoàn thiện làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền;

- Xây dựng, cải tạo nhà tắm;

- Lắp đặt máy giặt, máy tẩy chất độc.

2.4. Mua sắm trang thiết bị bảo vệ cá nhân

Dây an toàn; mặt nạ phòng độc; tất chống lạnh; tất chống vắt; ủng cách điện; ủng chịu axít; mũ bao tóc, mũ chống chấn thương sọ não; khẩu trang chống bụi; bao tai chống ồn; quần áo chống phóng xạ, chống điện từ trường, quần áo chống rét, quần áo chịu nhiệt v.v...

2.5. Chăm sóc sức khỏe người lao động

Khám sức khoẻ khi tuyển dụng; khám sức khoẻ định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; bồi dưỡng bằng hiện vật; điều dưỡng và phục hồi chức năng lao động.

2.6. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về bảo hộ lao động

Tổ chức huấn luyện về bảo hộ lao động cho người lao động; chiếu phim, tham quan triển lãm bảo hộ lao động; tổ chức thi an toàn vệ sinh viên giỏi; tổ chức thi viết, thi vẽ đề xuất các biện pháp tăng cường công tác bảo hộ lao động; kẻ pa nô, áp phích, tranh an toàn lao động; mua tài liệu, tạp chí bảo hộ lao động.

**3. Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh (Điều 20 Luật ATVSLĐ)**

Người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

**4. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động; chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên**

4.1. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động

4.1.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động (Điều 6 Luật ATVSLĐ)

a) Quyền của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động; yêu cầu người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động, tại nơi làm việc;

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;

- Được thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được hưởng đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được trả phí khám giám định thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động và được trả phí khám giám định trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Yêu cầu người sử dụng lao động bố trí công việc phù hợp sau khi điều trị ổn định do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng phải báo ngay cho người quản lý trực tiếp để có phương án xử lý; chỉ tiếp tục làm việc khi người quản lý trực tiếp và người phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động đã khắc phục các nguy cơ để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

- Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.1.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động (Điều 7 Luật ATVSLĐ)

a) Quyền của người sử dụng lao động

Người sử dụng lao động có quyền sau đây:

- Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

- Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

b) Nghĩa vụ của người sử dụng lao động

Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

- Không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động;

- Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

- Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

- Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động;

- Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

4.2. Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động

4.2.1. Khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động(Điều 21 Luật ATVSLĐ)

- Hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.

- Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều này, lao động nữ phải được khám chuyên khoa phụ sản, người làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp phải được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

- Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn hoặc sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.

- Người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn kỹ thuật.

- Người sử dụng lao động đưa người lao động được chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện chuyên môn kỹ thuật để điều trị theo phác đồ điều trị bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

- Chi phí cho hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không có hoạt động dịch vụ.

4.2.2. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm(Điều 22 Luật ATVSLĐ)

- Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.

- Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

4.2.3. Phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động(Điều 23 Luật ATVSLĐ)

- Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng trong quá trình làm việc.

- Người sử dụng lao động thực hiện các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật, thiết bị để loại trừ hoặc hạn chế tối đa yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.

- Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

+ Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

+ Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thu tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân;

+ Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân;

+ Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ.

4.2.4. Bồi dưỡng bằng hiện vật (Điều 24 Luật ATVSLĐ)

- Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật.

- Việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo nguyên tắc sau đây:

+ Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể;

+ Bảo đảm thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm;

+ Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ.

4.2.5. Thời giờ làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại (Điều 25 Luật ATVSLĐ)

Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm thời gian tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại của người lao động nằm trong giới hạn an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các quy định của pháp luật có liên quan.

4.2.6. Quản lý sức khỏe người lao động (Điều 27 Luật ATVSLĐ)

- Người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại nghề, công việc và kết quả khám sức khỏe để sắp xếp công việc phù hợp cho người lao động.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ sức khỏe của người lao động, hồ sơ sức khỏe của người bị bệnh nghề nghiệp; thông báo kết quả khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp để người lao động biết; hằng năm, báo cáo về việc quản lý sức khỏe người lao động thuộc trách nhiệm quản lý cho cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền.

4.3. Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên (Điều 74 Luật ATVSLĐ)

4.3.1. Xây dựng mạng lưới ATVSV

- Mỗi tổ sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ít nhất một an toàn, vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc. Người sử dụng lao động ra quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành công đoàn cơ sở nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- An toàn, vệ sinh viên là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn, vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.

- An toàn, vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của Ban chấp hành công đoàn cơ sở, trên cơ sở quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phối hợp về chuyên môn, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động hoặc bộ phận quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động, người làm công tác y tế hoặc bộ phận y tế tại cơ sở.

4.3.2. Quyền và nghĩa vụ của ATVSV

a) Nghĩa vụ của ATVSV

An toàn, vệ sinh viên có nghĩa vụ sau đây:

- Đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn, vệ sinh lao động, bảo quản các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nhắc nhở tổ trưởng, đội trưởng, quản đốc chấp hành quy định về an toàn, vệ sinh lao động;

- Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;

- Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ;

- Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và khắc phục kịp thời những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc;

- Báo cáo tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc hoặc trường hợp mất an toàn của máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động đã kiến nghị với người sử dụng lao động mà không được khắc phục.

b) Quyền của an toàn vệ sinh viên

An toàn, vệ sinh viên có quyền sau đây:

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp mà người sử dụng lao động tiến hành để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ và được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

Mức phụ cấp trách nhiệm do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên;

- Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó;

- Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

**5. Nghiệp vụ công tác tự kiểm tra; công tác điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn** lao động (Đối tượng 2)

5.1. Nghiệp vụ công tác tự kiểm tra

Điều 80. Tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động (Luật ATVSLĐ)

1. Người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn, vệ sinh lao động tại cơ sở.

2. Nội dung, hình thức và thời hạn tự kiểm tra cụ thể phải bảo đảm hiệu quả, phù hợp với tính chất lao động, nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, điều kiện lao động của cơ sở.

Điều 9. Tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động (TT07/2016)

- Người sử dụng lao động phải quy định và tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các ngành nghề khác với ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp người sử dụng lao động phải tổ chức kiểm tra toàn diện ít nhất 01 lần trong một năm ở cấp cơ sở sản xuất, kinh doanh và 01 lần trong 06 tháng ở cấp phân xưởng, tổ, đội sản xuất hoặc tương đương.

5.2. Công tác điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động

5.2.1. Công tác điều tra tai nạn lao động (Điều 11 NĐ39/2016)

- Khi biết tin xảy ra tai nạn lao động nhẹ hoặc tai nạn lao động làm bị thương nặng 01 người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của người sử dụng lao động thành lập Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở. Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gồm có người sử dụng lao động hoặc người đại diện được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản làm Trưởng đoàn và các thành viên là đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở, người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.

- Đối với các vụ tai nạn lao động xảy ra tại nơi thuộc thẩm quyền quản lý của người sử dụng lao động, nhưng nạn nhân là người lao động thuộc quyền quản lý của người sử dụng lao động khác, thì người sử dụng lao động tại nơi xảy ra tai nạn có trách nhiệm thành lập Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, đồng thời mời đại diện người sử dụng lao động của nạn nhân tham gia Đoàn Điều tra.

- Quy trình, thủ tục điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra TNLĐ cấp cơ sở:

1) Thu thập dấu vết, chứng cứ, tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn lao động.

2) Lấy lời khai của nạn nhân, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn lao động theo mẫu quy định.

3) Đề nghị giám định kỹ thuật, giám định pháp y (nếu xét thấy cần thiết).

4) Phân tích kết luận về: diễn biến, nguyên nhân gây ra tai nạn lao động; kết luận về vụ tai nạn lao động; mức độ vi phạm và đề nghị hình thức xử lý đối với người có lỗi trong vụ tai nạn lao động; các biện pháp khắc phục và phòng ngừa tai nạn lao động tương tự hoặc tái diễn.

5) Lập Biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy định.

6) Tổ chức cuộc họp và lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo mẫu quy.

7) Thành phần cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động bao gồm:

a) Trưởng đoàn Điều tra tai nạn lao động;

b) Người sử dụng lao động hoặc người được NSDLĐ ủy quyền bằng văn bản;

c) Thành viên Đoàn Điều tra tai nạn lao động;

d) Người bị nạn hoặc đại diện thân nhân người bị nạn, người biết sự việc hoặc người có liên quan đến vụ tai nạn;

đ) Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi chưa thành lập Công đoàn cơ sở.

8) Thành viên dự họp có ý kiến không nhất trí với nội dung Biên bản Điều tra tai nạn lao động thì được ghi ý kiến và ký tên vào Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động.

9) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Đoàn Điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở gửi Biên bản Điều tra tai nạn lao động, Biên bản cuộc họp công bố Biên bản Điều tra tai nạn lao động tới người bị tai nạn lao động hoặc thân nhân người bị nạn; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi người sử dụng lao động có người bị nạn đặt trụ sở chính; Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra tai nạn lao động.

5.2.2. Thu thập, lưu trữ, tổng hợp, cung cấp thông tin tai nạn lao động(TT13/2020)

Người sử dụng lao động phải tổ chức thu thập, lưu trữ thông tin về tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở của mình; mở số thống kê tai nạn lao động theo mẫu quy định.

Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình tai nạn lao động theo quy định; cung cấp thông tin về tình hình tai nạn lao động khi được cơ quan quản lý nhà nước về lao động có thẩm quyền yêu cầu.

**6. Phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng** hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động (Đối tượng 2)

6.1. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 77 Luật ATVSLĐ)

- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động là việc phân tích, nhận diện nguy cơ và tác hại của yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc nhằm chủ động phòng, ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện lao động.

- Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá và hướng dẫn người lao động tự đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động trước khi làm việc, thường xuyên trong quá trình lao động hoặc khi cần thiết.

- Các ngành, nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, việc đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động phải được áp dụng bắt buộc và đưa vào trong nội quy, quy trình làm việc (xem TT07/2016).

6.2. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (Điều 78 Luật ATVSLĐ)

- Căn cứ vào nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh tật tại nơi làm việc và quy định pháp luật, người sử dụng lao động phải xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc.

- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Phương án sơ tán người lao động ra khỏi khu vực nguy hiểm;

b) Biện pháp sơ cứu, cấp cứu người bị nạn;

c) Biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả do sự cố gây ra;

d) Trang thiết bị phục vụ ứng cứu;

đ) Lực lượng ứng cứu tại chỗ; phương án phối hợp với các lực lượng bên ngoài cơ sở; phương án diễn tập.

- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.3. Tổ chức lực lượng ứng cứu (Điều 79 Luật ATVSLĐ)

- Nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại có nguy cơ gây tai nạn lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức lực lượng ứng cứu chuyên trách hoặc bán chuyên trách theo quy định và tổ chức huấn luyện sơ cứu, cấp cứu cho người lao động.

- Lực lượng ứng cứu phải được trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phải được huấn luyện.

**7. Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động; xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động (Đối tượng 2)**

7.1. Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động (nhiệm vụ của Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động Điều 72 Luật ATVSLĐ)

7.2. Phòng, chống cháy nổ trong cơ sở lao động

7.3. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động (Điều 76 Luật ATVSLĐ)

- Hằng năm, người sử dụng lao động phải xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động. Đối với các công việc phát sinh trong năm kế hoạch thì phải bổ sung nội dung phù hợp vào kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Việc lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động phải được lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở và dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Đánh giá rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; việc kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp;

b) Kết quả thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động năm trước;

c) Nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tình hình lao động của năm kế hoạch;

d) Kiến nghị của người lao động, của tổ chức công đoàn và của đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra.

- Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ;

b) Biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động;

c) Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động;

d) Chăm sóc sức khỏe người lao động;

đ) Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

7.4. Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động

7.4.1. Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

7.4.2. Thống kê, báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 81 Luật ATVSLĐ)

Hằng năm, người sử dụng lao động phải thực hiện thống kê, báo cáo về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc như sau:

a) Báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động và cơ quan quản lý nhà nước về y tế cấp tỉnh, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác;

b) Thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định.

Thống kê, báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động (Điều 10 TT 07/2016)

- Người sử dụng lao động phải mở sổ thống kê các nội dung cần phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động. Các số liệu thống kê phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật, làm căn cứ theo dõi, phân tích, đưa ra các chính sách, giải pháp đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Người sử dụng lao động phải báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động định kỳ hằng năm với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế (trực tiếp hoặc bằng fax, bưu điện, thư điện tử) theo mẫu được quy định. Báo cáo phải gửi trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.

**8. Công tác kiểm định, huấn luyện và quan trắc môi trường lao động; quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động** (Đối tượng 2)

8.1. Công tác kiểm định, huấn luyện và quan trắc môi trường lao động

8.1.1. Công tác kiểm định (TT 16/2017), quan trắc môi trường (NĐ 44/2016)

8.1.2. huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (NĐ 44/2016)

a) Đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (Điều 1 NĐ 140/2020)

- Nhóm 1: Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương; cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại Khoản này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: Chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của cơ sở; người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 3, 5, 6 quy định tại khoản này, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.

- Nhóm 5: Người làm công tác y tế.

- Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên theo quy định tại Điều 74 Luật an toàn, vệ sinh lao động.

b) Nội dung huấn luyện (Điều 18 NĐ 44/2016)

c) Thời gian huấn luyện (Điều 19 NĐ 44/2016)

Thời gian huấn luyện lần đầu tối thiểu được quy định như sau:

- Nhóm 1, nhóm 4: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

- Nhóm 2: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 48 giờ, bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra.

- Nhóm 3: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 24 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

- Nhóm 5: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra (NĐ140).

- Nhóm 6: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 4 giờ ngoài nội dung đã được huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

**8.3. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động** (Điều 13 Luật ATVSLĐ)

1. Người sử dụng lao động phải thông tin, tuyên truyền, giáo dục về an toàn, vệ sinh lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động; hướng dẫn quy định về an toàn, vệ sinh lao động cho người đến thăm, làm việc tại cơ sở của mình.

2. Nhà sản xuất phải cung cấp thông tin về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động kèm theo sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn cho người sử dụng trong quá trình lao động.

**9. Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp**

9.1. Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân

9.1.1. Nội quy an toàn, vệ sinh lao động (Điều 15 Luật ATVSLĐ)

Người sử dụng lao động căn cứ pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động và điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

9.1.2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc (Điều 16 Luật ATVSLĐ)

- Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó; bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng và theo nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

- Hằng năm hoặc khi cần thiết, tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng.

- Phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn bằng tiếng Việt và ngôn ngữ phổ biến của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị, vật tư và chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, nơi lưu giữ, bảo quản, sử dụng và đặt ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.

- Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện cho người lao động quy định, nội quy, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động, biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc; tổ chức xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp, lực lượng ứng cứu và báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ hoặc khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của người sử dụng lao động.

9.1.3. Trách nhiệm của người lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc (Điều 17 Luật ATVSLĐ)

- Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

- Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao.

- Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

- Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn, vệ sinh lao động, hành vi vi phạm quy định an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi biết tai nạn lao động, sự cố hoặc phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9.1.4. Biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân

a) Biển báo, chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động

Biển báo an toàn lao động chính là những tấm biển được dùng để cảnh báo cho người lao động thấy các mối nguy hại có thể xảy ra. Vị trí đặt biển báo an toàn lao động thường ở chỗ dễ quan sát.

## Các loại biển báo an toàn lao động:

### - Biển báo cấm: Biển báo cấm có dạng hình tròn đỏ với dấu gạch chéo ở giữa được đặt trên nền trắng.

### - Biển báo nguy hiểm: Biển báo nguy hiểm là dạng biển báo thường có viền đen trên nền vàng. Loại này có tính trực quan và giúp mô tả các mối nguy hiểm có thể xuất hiện để giúp mọi người có thể nhận ra mối nguy hiểm để đề phòng.

### - Nhóm các loại biển báo nhắc nhở và chỉ dẫn: Loại biển này được sử dụng để đưa ra những nhắc nhở hay chỉ dẫn cho người lao động. Họ cần chấp hành và thực hiện tốt những quy định về bảo hộ lao động để tránh các tai nạn nguy hiểm. Dấu hiệu nhận biết của loại biển này là thường có hình chữ nhật trên nền màu xanh lam nhạt, xanh lá cây hay màu đỏ. Trên biển sẽ đưa ra những chỉ dẫn cụ thể để người lao động có thể hiểu và phòng tránh tốt nhất.

b) Phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE)

Phương tiện bảo vệ cá nhân (PPE) là một phần trong hệ thống các [biện pháp dự phòng](https://vi.hesperian.org/hhg/Workers%27_Guide_to_Health_and_Safety%3AC%C3%A1ch_gi%E1%BA%A3i_quy%E1%BA%BFt_c%C3%A1c_v%E1%BA%A5n_%C4%91%E1%BB%81_an_to%C3%A0n%2C_v%E1%BB%87_sinh_lao_%C4%91%E1%BB%99ng_t%E1%BA%A1i_n%C6%A1i_l%C3%A0m_vi%E1%BB%87c#safer), giúp bảo vệ người lao động không bị mắc bệnh hoặc bị chấn thương ở nơi làm việc. Theo thời gian, việc loại bỏ các mối nguy hiểm cũng sẽ tiết kiệm chi phí hơn là mua sắm phương tiện bảo vệ cá nhân.

Phương tiện bảo vệ cá nhân thì chỉ dành cho cá nhân phải:

- vừa với bạn và được kiểm tra về mức độ vừa khít.

- có loại riêng cho phụ nữ và nam giới (do kích thước cơ thể khác nhau).

- phải sạch sẽ nếu như nó là PPE được sử dụng lại, hoặc mới nếu là PPE sử dụng một lần.

- ở trong tình trạng tốt, không lỗ, không vết nứt hay xước.

- đúng chủng loại ngăn ngừa các mối nguy hiểm mà bạn phải đối mặt.

- được thay thế thường xuyên và bất cứ lúc nào khi nó không còn tác dụng.

- được sử dụng như lựa chọn cuối cùng khi các giải pháp kiểm soát an toàn khác không áp dụng được.

1) Mũ bảo hộ lao động

Mũ bảo hộ lao động được trang bị cho người lao động để bảo vệ vùng đầu. Trong thực tế có nhiều loại mũ bảo hộ lao động như: mũ được làm từ vải mềm hoặc, mũ được làm từ nhựa cứng.

Mũ mềm thường được trang bị cho người lao động trong các ngành nghề như: dệt, may, chế biến thực phẩm... Mũ có tác dụng bảo vệ đầu và gói gọn tóc vào trong. Mũ cứng/mũ nhựa thường được trang bị cho người lao động trong các ngành nghề như: khai khoáng, xây dựng, luyện kim... Mũ cứng có tác dụng giúp bảo vệ đầu của người lao động tránh được các vật rơi từ trên cao hay vấp ngã và còn có tác dụng bảo vệ đầu khỏi các tác động của hoá chất, điện...

*+ Lựa chọn mua mũ:* Khi mua mũ cần yêu cầu người bán hàng cung cấp phiếu thử nghiệm xác định chất lượng mũ. Nếu mua sản phẩm nước ngoài sản xuất thì yêu cầu cung cấp catalog và ghi rõ số tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Trên cơ sở đó mà mua sản phẩm phù hợp.

*+ Khi sử dụng:* Kiểm tra chất lượng mũ, nếu những mũ bị nứt, đứt dây... thì loại bỏ không sử dụng. Khi đội mũ, lưu ý điều chỉnh bộ giảm chấn ôm sát đầu người và có khoảng cách nhất định cách mặt dưới của thân mũ. Đội mũ ngay ngắn và gài quai chặt.

*+ Bảo quản*: thường xuyên giữ gìn sạch sẽ, cất giữ ở nơi khô ráo, tránh làm rơi vỡ và va đập.

2) Kính an toàn

Đôi mắt bạn có thể bị hủy hoại rất nhanh và có thể vĩnh viễn do hóa chất, bụi bẩn, ánh sáng mạnh hoặc vật sắc nhọn. Kính an toàn, kính bảo hộ, mặt nạ bảo hộ có thể bảo vệ bạn. Nếu hóa chất hoặc bụi bẩn bắn vào mắt, bạn phải rửa bằng nước sạch ngay trong vòng ít nhất 15 phút.

3) Găng tay

- Công dụng: Găng tay được trang bị cho người lao động để bảo vệ tay, phòng ngừa sự ăn mòn của các loại hóa chất, dầu mỡ ăn tay, chống xước hay phòng chống điện giật...

- Yêu cầu: Găng tay an toàn được cấp phát cho người lao động cần đảm bảo khả năng bảo vệ tay khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm và có hại. Găng tay an toàn đảm bảo các yêu cầu:

+ Không ảnh hưởng tới thao tác của người lao động; + Dễ sử dụng; + Dễ bảo quản và vệ sinh.

- Các loại găng tay: Găng tay chống hóa chất sử dụng nếu bạn sử dụng hóa chất, tiếp xúc với các thùng chứa hóa chất, mang vác vật liệu chứa hóa chất. Găng tay cao su tự nhiên có thể bảo vệ bạn tránh được các loại hóa chất nhẹ. Chúng cũng chịu được nhiệt và chống kích ứng và các vật liệu nhám. Găng tay cao su tổng hợp có thể chịu được cồn và một vài loại axit…

#### Khi bạn đeo găng tay chống hóa chất, hãy lưu ý: Quan sát và kiểm tra tất cả các găng tay để tìm vết rách hoặc lỗ thủng trước khi sử dụng chúng. Đối với găng tay tái sử dụng: cho đầy không khí vào bên trong và bịt chặt miệng. Nếu bạn cảm thấy hoặc nghe thấy tiếng khí thoát ra, tức là có lỗ thủng trên đó. Hãy đổi ngay một đôi găng tay mới. Dùng kéo cắt rách chúng ra để không ai sử dụng lại nữa.

Nếu hóa chất chảy ra găng hoặc bắn vào chúng, hãy rửa sạch, lột găng ra và vứt chúng vào thùng găng hỏng bỏ đi. Sử dụng đôi găng mới nếu đôi đang dùng cứng hoặc đổi màu. Tháo găng tay trước khi cầm điện thoại, tay nắm cửa, các vật dùng chung khác, thức ăn hoặc bất cứ thứ gì cho vào miệng. Đeo găng tay mỏng bên trong găng tay tái sử dụng để bảo vệ tốt hơn.

### + Găng tay chống cắt và chống nóng. Găng tay làm từ da, lưới kim loại hay vải bạt có thể chống đứt tay và chống nóng. Găng tay vải bọc nhựa ngoài có thể chống được một vài hóa chất. Găng tay làm từ sợi nhôm có khả năng cách nhiệt và lạnh, chống cắt và một số axit loãng.

4) Giầy, dép

Giầy bảo hộ lao động được trang bị cho người lao động để bảo vệ chân, tránh vấp ngã, các vật nhọn sắc đâm hay các dung môi khác... Giầy bảo hộ cấp phát cho người lao động phải đảm bảo khả năng bảo vệ và phù hợp về kích cỡ.

Trong quá trình sử dụng, chú ý giầy phải đi vừa chân, buộc dây và kéo khoá cẩn thận. Bảo quản giày cần chú ý: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để tiếp xúc với các nguồn nhiệt. Giày da và giầy vải chống xăng dầu, mỡ thì phần đế của giày có khả năng chống chịu được dầu mỡ và xăng dầu.

5) Khẩu trang và mặt nạ

Khẩu trang hoặc mặt nạ có thể bảo vệ bạn khỏi bụi, vi trùng, khói bụi, sương và các hóa chất trong không khí nếu nó che kín vùng bảo vệ và phù hợp với tính chất nguy hiểm của công việc và nơi làm việc. [Bụi bông](https://vi.hesperian.org/hhg/Workers%27_Guide_to_Health_and_Safety%3AC%E1%BA%AFt_v%E1%BA%A3i#dusty) có thể gây bệnh bụi phổi bông, [silica trong quá trình phun cát](https://vi.hesperian.org/hhg/Workers%27_Guide_to_Health_and_Safety%3AKh%C3%A2u_ho%C3%A0n_thi%E1%BB%87n_s%E1%BA%A3n_ph%E1%BA%A9m#sand) có thể gây ra bệnh bụi phổi silic và ung thư phổi, amiang có thể gây ra các bệnh nghiêm trọng về phổi và ung thư. Khẩu trang vải xô và giấy thường chống bụi kém và không giúp bạn tránh tiếp xúc với hóa chất. Các loại khẩu trang chống bụi khác nhau được phân loại bằng số và chữ cái. Số càng lớn, càng lọc được nhiều bụi.

6) Mặt nạ có bộ lọc: Cũng được gọi là mặt nạ cao su hay mặt nạ có bộ lọc; mặt nạ có bộ lọc chống được một vài loại hóa chất và bụi trong không khí.

# 7) Quần áo và giày: Áo trùm hoặc áo bảo hộ bằng nhựa trùm bên ngoài quần áo có thể bảo vệ được da và quần áo khỏi bụi bẩn và hóa chất. Áo khoác và tạp dề vải bông sẽ không có tác dụng đối với nhiều loại hóa chất nhưng có thể ngăn bớt bụi và hóa chất nhẹ văng bắn.

**\* Người lao động cần lưu ý một số điểm sau:**

- Có ý thức trong việc sử dụng, bảo quản và vệ sinh phương tiện bảo vệ cá nhân;

- Chỉ sử dụng những loại PTBVCN thích hợp với công việc, đảm bảo khả năng bảo vệ khỏi tác hại của các yếu tố nguy hiểm và độc hại.

- Chỉ sử dụng những loại PTBVCN đảm bảo chất lượng, có đăng ký chất lượng và nhãn mác sản phẩm, hàng hoá rõ ràng.

- Trước khi bắt đầu công việc cần: Chuẩn bị PTBVCN đầy đủ; Kiểm tra kĩ các loại PTBVCN; Quan sát cẩn thận khu vực làm việc để sử dụng PTBVCN hiệu quả, phù hợp.

- Sau khi kết thúc công việc, cần vệ sinh PTBVCN đúng cách, cất ở nơi qui định.

9.2. Nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp

9.2.1. Khái niệm sơ cứu

Sơ cứu ban đầu là tập hợp các biện pháp nhằm đảm bảo tính mạng và hạn chế thấp hậu quả của chấn thương hay ốm đau cho một người trước khi có sự trợ giúp của nhân viên y tế. Sơ cứu không cần việc điều trị hay sự giúp đỡ của nhân viên y tế.

9.2.2. Các nội dung sơ cứu

- Đánh giá được tình trạng của nạn nhân và xác định nạn nhân cần sơ, cấp cứu chỗ nào trước.

- Đảm bảo đường thở trên phải thông thoáng

- Thực hiện hô hấp nhân tạo và ép tim ngoài lồng ngực

- Tạm thời cầm máu cho các vết thương

- Băng bó khi có các tổn thương

- Cố định các vị trí như : gãy xương, trật khớp...

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển

- Sử dụng tủ thuốc sơ, cấp cứu ban đầu

9.2.3. Phương pháp cầm máu tạm thời

- Giơ cao tay hoặc chân bị thương.

- Gập chân hoặc tay lại và ép chặt vào thân

*-* Bịt, ấn nơi máu phun ra, ấn chèn đường đi của động mạch.

- Cầm máu: *Băng ép* là biện pháp cơ bản nhất; Đặt nhanh bông gạc và băng chặt tay, đầu tiên ở vùng vết thương, sau băng rộng ra về 2 phía trên và dưới. Băng chặt tối đa, với cả chiều rộng của băng, không được dồn lại vì nó sẽ thành dây thắt buộc.

*Băng chèn:* dùng vật hình khối bằng quả trứng không cứng nhưng cũng không quá mềm như cuộn băng, miếng cao su. Đặt các miếng đó trên đường đi của động mạch và băng chặt để giữ, giúp máu giảm ra, cục máu đông có thể được hình thành và tạm thời bịt kín lỗ rách của mạch máu.

*Băng nút:* dùng gạc hoặc các phương tiện khác cuộn thành cục nhét nút hết các ổ khuyết hổng lớn nhằm mục đích nút chèn chặt tổ chức xung quanh làm ngừng chảy máu.

+ Garo có thể bằng dây cao su, dây vải... buộc chặt trên vết th­ương khoảng 3 - 4 cm cho đến khi máu ngừng chảy. Ghi phiếu garo: Họ tên, thời gian đặt garo. Nếu chuyển nạn nhân vào bệnh viện ở xa thì cứ 30-40 phút nới garo một lần.

9.2.4. Sơ cấp cứu trường hợp gãy xương

Triệu chứng người bị gãy xương:

- bị đau vùng xương gãy, đau lan xung quanh, khi sờ ấn và nhúc nhích tại đó thấy đau.

- bị sưng nề to khi gãy xương lớn, đôi khi có bầm tím.

- không thể nhắc chân (hoặc tay) lên được

- gây ra biến dạng làm cho chi ngắn hơn, cong vẹo lồi lõm bất thường.

- làm tổn thương bó mạch - thần kinh, làm liệt, mất cảm giác ở phía dưới vùng gãy.

- vùng gãy xương có vết thương, nhìn vào có thể thấy đầu xương gãy.

b) Biện pháp xử lý

- Cố định gãy x­ương

- Cắt quần áo chi gãy để nhận biết vị trí bị tổn th­ương.

- Cấm co kéo, nắn thẳng... để nguyên hiện trạng đó mà cố định.

- Dùng nẹp tre, gỗ, sắt, không có thì dùng cành cây, bìa cát-tông... nẹp phải cứng, dài ít nhất bằng xư­ơng gãy. Đặt hai nẹp song song chi bị gãy, buộc cố định ở trên và dư­ới vị trí xư­ơng gãy trư­ớc, rồi lần lư­ợt cố định các đoạn khác hoặc dùng băng thun quấn theo kiểu hình xoắn ốc quấn lên xuống nhiều vòng. Động tác phải nhẹ nhàng, cố định chắc chắn.

- Gãy hở phải băng vết th­ương trư­ớc rồi nẹp cố định sau.

-Đối với nạn nhân bị chấn th­ương cột sống phải cố định trên cáng cứng.

9.2.5. Hô hấp nhân tạo, ép tim ngoài lông ngực

- Người sơ cứu phải biết chắc rằng nạn nhân không còn thở bằng cách ghé tai vào mũi nạn nhân, sau đó áp tai vào ngực trái xem tim có đập không, từ đó có biện pháp thích hợp.

- Lưu thông đường thở bằng cách dùng tay lót khăn móc dị vật đường thở (nếu có) và lau đờm dãi. Cởi bỏ, nới cúc áo và các trang bị khác nếu có.

- Đặt nạn nhân nằm thẳng, dùng 2 tay đỡ hàm dưới và kéo ngược đầu ngửa ra để tránh tụt lưỡi che lấp đường thở. Sau đó làm hô hấp nhân tạo gián tiếp.

- Để nạn nhân nằm ngửa, người cấp cứu quỳ phía đầu, 2 tay nắm vào khuỷu tay nạn nhân. Khi kéo ngược tay về phía trên là để không khí ào vào phổi do lồng ngực được vồng lên, tiếp theo là khép 2 tay vào ngực và nhổm lên ép 2 cánh tay nạn nhân vào ngực nhằm đẩy không khí ra. Hô hấp khoảng 20 nhịp trong 1 phút. Hô hấp nhân tạo trực tiếp bằng cách thổi qua miệng hoặc mũi. Thường bịt mũi và thổi vào mồm. Thời gian làm từ 20 dến 30 phút.

- Ép tim ngoài lồng ngực bằng cách để nạn nhân nằm trên nền cứng. Người cấp cứu quỳ một bên, 2 bàn tay chồng lên nhau, đặt ở cuối xương ức (gần mỏ ác) và hơi chệch sang trái. Ấn mạnh bằng cách nhổm người dậy (ấn nhanh và thả ngay), làm khoảng 60- 80 lần trong 1 phút. Kiên trì làm trong 20-30 phút và phải kết hợp với hô hấp nhân tạo, khoảng 4 lần ép tim thì và ngừng thổi vào miệng 1 lần.

**IV. Nội dung huấn luyện trực tiếp tại nơi làm việc**

**1. Nhận biết các yếu tố nguy hiểm, có hại, nội quy, biển báo, biển chỉ dẫn tại nơi làm việc**

1.1. Nhận biết các yếu tố nguy hiểm, có hại

1.1.1. Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất

Các yếu tố nguy hiểm luôn tiềm ẩn trong các lĩnh vực như:

Trong sử dụng các loại máy cơ khí; lắp đặt sửa chữa và sử dụng điện; lắp đặt sửa chữa và sử dụng thiết bị áp lực; lắp đặt sửa chữa và sử dụng thiết bị nâng; lắp máy và xây dựng… cụ thể:

- Các bộ truyền động và chuyển động của máy, thiết bị như truyền động dây cu roa, truyền động bánh xe răng, trục chuyền, trục cán, dao cắt thường gây nên các tai nạn : quấn kẹp, đứt chi...

- Vật văng bẳn: Trường hợp thường gặp là vật gia công do không kẹp chặt tốt bị bắn, mảnh đá mài bị vỡ, gỗ đánh lại, đá văng khi nổ mìn... thường gây nên các tai nạn: dập thương, chấn thương...

- Vật rơi, đổ, sập: Thường là kết quả của trạng thái vật chất không bền vững, không ổn định gây ra như sập lò, đổ công trình... thường gây nến các tai nạn: dập thương, chấn thương...

- Dòng điện: Tuỳ theo mức điện áp, cường độ dòng điện có thể gây bị điện giật, làm tê liệt hệ thống hô hấp, tim mạch... hoặc phóng điện gây bỏng, cháy

- Nguồn nhiệt gây bỏng có thể là ngọn lửa, hơi nước, kim loại nóng chảy.

- Nổ hoả học; Nổ vật lý; Nổ của chất nổ (vật liệu nổ).

1.1.2. Các yếu tố có hại trong sản xuất

- Vi khí hậu là trạng thái lý học của không khí trong một không gian thu hẹp của nơi làm việc, bao gồm: Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt, tốc độ chuyển động của không khí.

- Bụi công nghiệp là tập hợp nhiều hạt có kích thước nhỏ bé tồn tại trong không khí.

- Chất độc.

- Ánh sáng có cường độ chiếu sáng hay còn gọi là độ rọi, nếu độ rọi quá lớn hoặc quá yếu đều có thể gây ra các bệnh lý cho cơ quan thị giác làm giảm khả năng lao động và dễ gây tai nạn lao động.

- Tiếng ồn là âm thanh gây khó chịu cho con người, nó phát sinh do sự chuyển động của các chi tiết hoặc bộ phận của máy, do va chạm tiếng ồn vượt quá giói hạn cho phép dẫn đến bệnh điếc nghề nghiệp.

- Rung và chấn động: có thể chia 2 loại: rung toàn thân hoặc rung cục bộ. Rung toàn thân khi người lao động làm việc phải đứng hoặc ngồi trên bệ hoặc sàn đặt máy, máy chuyển động làm rung sàn hoặc bệ máy làm rung chuyển toàn thân người lao động, có thể gây tổn thương xương, khớp, rối loạn tim mạch.

- Làm việc quá sức.

1.1.3. Một số loại yếu tố nguy hiểm thường gặp

*- Nguy hiểm do vị trí công việc:* làm việc trên cao; làm việc dưới hầm kín; làm việc trong khu vực có nguy hiểm cao về nhiễm độc, cháy…

- *Nguy hiểm do công nghệ và kĩ thuật:* Khi xác định sai công nghệ cũng có thể dẫn tới rủi ro; các trang bị kĩ thuật không hoàn hảo, thiếu các thiết bị an toàn, không được kiểm định định kỳ.

- *Rủi ro do lỗi chủ quan của con người:* Không huấn luyện nghề nghiệp và huấn luyện ATVSLĐ trước khi giao việc; tổ chức sản xuất không hợp lý; không có biện pháp an toàn trong thi công; không trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân; không triển khai các quy định của nhà nước về ATVSLĐ trong việc đảm bảo điều kiện làm việc an toàn cho người lao động.

1.2. Nội quy, biển báo, biển chỉ dẫn tại nơi làm việc

Hệ thống tín hiệu, báo hiệu nhằm mục đích:

- Nhắc nhở cho người lao động kịp thời tránh không bị tác động xấu: Biển báo, đèn báo, cờ hiệu, còi báo động ...

- Hướng dẫn thao tác: Bảng điều khiển hệ thống túi hiệu bằng tay điều khiển cần trục, lùi xe ô tô ...

- Nhận biết qui đinh về kỹ thuật an toàn dấu hiệu qui ước về màu sắc, hình vẽ: Sơn để đoán nhận biết các chai khi, biển báo để chỉ đường ...

Báo hiệu, tín hiệu có thể dùng: ánh sáng, màu sắc, âm thanh, màu sơn, hình vẽ, bảng chữ, đồng hồ, dụng cụ đo lường, v.v...

Một số yêu cầu đối với tín hiệu, háo hiệu: dễ nhận biết, khả năng nhầm lẫn thấp, độ chính xác cao, dễ thực hiện, phù hợp với tập quán, cơ sở khoa học kỹ thuật và yêu cầu của tiêu chuẩn hóa.

1.3. Các phương pháp xác định yếu tố có hại, yếu tố nguy hiểm trong sản xuất (Đối tượng 2)

1.3.1. Các phương pháp xác định yếu tố có hại trong sản xuất

- Vi khí hậu: Chủ yếu dùng phương pháp định lượng, sử dụng các thiết bị đo chuyên dụng như: nhiệt kế, âm kế, phong kế...

- Bụi công nghiệp: Có thể dùng các phương pháp định tính thông qua việc tiếp xúc trực tiếp với các giác quan (mắt, mũi,...) để phát hiện các khu vực có bụi, sau đó sử dụng các thiết bị đo chuyên dụng máy đo bụi tổng hợp và bụi hô hấp thông qua phương pháp đếm hạt, trọng lượng.

- Chất độc: Có thể dùng phương pháp định lượng dựa vào các thiết bị đo. Hoặc thông qua kết quả khám sức khỏe để đánh giá nguy cơ tiểm ẩn.

- Ánh sáng: có thể dùng 2 phương pháp chính là phương pháp dựa vào người tiếp xúc để đánh giá và đo cường độ ánh sáng.

- Tiếng ồn và chấn động:

+ Phương pháp định lượng tiến hành đo mức độ chấn động ( rung cục bộ, rung toàn thân), độ ồn ( độ ồn trung bình, ồn tức thời) sử dụng máy đo ồn tức thời, đo ồn phân tích các dải tần số;

+ Phương pháp phỏng vấn dựa vào người tiếp xúc với các yếu tố để đánh giá và sử dụng kết quả khám sức khỏe định kỳ để đánh giá.

1.3.2. Các phương pháp xác định yếu tố nguy hiểm trong sản xuất

Phương pháp chủ yếu được sử dụng là đánh giá các yếu tố nguy hiểm so với qui định tại TC, QCKT hiện hành.

a. Đối với máy, thiết bị cơ khí kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Che chắn các bộ phận truyền động

- Biện pháp nối đất bảo vệ.

- Sự đầy đủ của các thiết bị an toàn

b. Đối với thiết bị áp lực: kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn kiểm định thiết bị

- Sự hoàn hảo của thiết bị đo và cơ cấu an toàn

- Tình trạng kỹ thuật thực tế: sự ăn mòn quá mức đối với các phần tử chịu áp lực và biến dạng

- Tình trạng an toàn của các thiết bị liên quan.

- Nơi đặt thiết bị.

c. Hệ thống nối đất và chống sét: kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Kiểm tra, đánh giá sự hoàn hảo của các dây, cọc nối đất

- Việc thực hiện đo: điện trở tiếp địa (Rnđ) theo định kỳ.

d. Các kho chứa nguyên vật liệu: kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Sự sắp xếp và bố trí kho theo qui định.

- Thực hiện các biện pháp an toàn chống đổ, chống cháy nổ.

- Các cửa thoát hiểm, hệ thống thông gió, hệ thống điện.

- Các phươmg tiện thiết bị để xử lý phòng cháy, chữa cháy.

e. Các thiết bị nâng hạ: kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn kiểm định thiết bị

- Tình trạng kỹ thuật thực tế: sự ăn mòn quá mức đối với các phần tử chịu lực, xác định biến dạng, tình trạng của cáp, móc, ...

- Tình trạng an toàn của các thiết bị liên quan: cơ cấu hạn chế quá tải, cơ cấu hạn chế chiều cao nâng móc, cơ cấu hạn chế hành trình...

f. An toàn giao thông nội bộ, nhà xưởng:

- Các rãnh thoát nước, hố ga trên đường vận chuyển (nắp đậy, ...)

- Độ cản trở giao thông hoặc vận chuyển nguyên vật liệu...

- Tình trạng kỹ thuật hiện hữu...

g. Hệ thống điện và các thiết bị bảo vệ: kiểm tra, xác định theo các yêu cầu sau:

- Hệ thống dây dẫn điện

- Hệ thống phân phối điện

- Các thiết bị bảo vệ

1.4. Kỹ thuật vệ sinh lao động, phòng chống độc hại, cải thiện điều kiện lao động

1.4.1. Kỹ thuật vệ sinh lao động

Vệ sinh lao động là hệ thống các biện pháp và phương pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người lao động. Nội dung chủ yếu của vệ sinh lao động gồm:

- Xác định khoảng cách về an toàn về vệ sinh.

- Xác định các yếu tố có hại cho sức khoẻ.

- Biện pháp tổ chức tuyên truyền giáo dục ý thức và kiến thức về vệ sinh lao động, theo dõi quản lý sức khoẻ, tuyển dụng lao động.

- Biện pháp về vệ sinh học, vệ sinh cá nhân,vệ sinh môi trường.

- Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh, kỹ thuật thông gió, điều hoà nhiệt độ, chống bụi, khí độc, kỹ thuật chống tiếng ồn và chống rung sóc, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xa, điện từ trường.

Các biện pháp kỹ thật vệ sinh cần được xem xét ngay từ khi thiết kế công trình, nhà xưởng tổ chức nơi sản xuất, thiết kế chế tạo các máy móc thiết bị, các quá trình công nghệ. Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên theo dõi sự phát sinh của các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

1.4.2. Cải thiện điều kiện lao động

Lắp đặt các quạt thông gió, hệ thống hút bụi, hút hơi khí độc; nâng cấp, hoàn thiện làm cho nhà xưởng thông thoáng, chống nóng, ồn và các yếu tố độc hại lan truyền; xây dựng, cải tạo nhà tắm; lắp đặt máy giặt, máy tẩy chất độc; đo đạc các yếu tố môi trường lao động; thực hiện việc xử lý chất thải nguy hại; cải tạo nhà vệ sinh; các biện pháp khác phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở.

*1) Cải tiến kỹ thuật*

Vấn đề cải tiến kỹ thuật bao gồm những tiến bộ trong sản xuất, tự động hóa và cơ giới hóa không những làm giảm gánh nặng lao động mà còn làm giảm thời gian tiếp xúc với các tác hại nghề nghiệp, vấn đề này được các tác giả trên thế giới coi là vấn đề trọng tâm số một vì nó giảm thiểu các tác hại nghề nghiệp ngay từ nguồn phát sinh một cách chủ động.

*2) Tổ chức lao động hợp lý*

Vấn đề tổ chức lao động hợp lý bao gồm phân bố lao động phù hợp với cấu trúc giải phẫu, tâm sinh lý của người lao động, cường độ lao động, chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, ví dụ máy móc phù hợp với kích thước giải phẫu của cơ thể, lao động có các nhóm cơ hoạt động hài hoà, thời gian lao động từng môi trường khác nhau phù hợp sẽ tăng năng suất lao động và giảm nguy cơ mắc các rối loạn bệnh lý nghề nghiệp.

*3) Các biện pháp phục hồi sức khỏe người lao động*

Sau một quá trình hoặc 1 ca lao động cơ thể người lao động cần được phục hồi lấy lại thăng bằng sinh lý, sinh hóa... các biện pháp nhằm phục hồi sức khỏe người lao động bao gồm chế độ dinh dưỡng đầy đủ và hợp lý, chế độ nghỉ ngơi giải trí luyện tập phục hồi chức năng.

Sau cùng là việc chăm lo sức khỏe, khám phát hiện các rối loạn bệnh lý và bệnh nghề nghiệp sớm với tinh thần chăm sóc sức khỏe ban đầu cho tất cả mọi người, như vậy mới từng bước cải thiện và tăng cường sức khỏe cho người lao động một cách hữu hiệu.

**2. Thực hành quy trình làm việc an toàn; quy trình xử lý sự cố liên quan đến nhiệm vụ, công việc được giao; quy trình thoát hiểm trong các trường hợp khẩn cấp**

- Quy trình làm việc an toàn;

- Quy trình xử lý sự cố liên quan đến nhiệm vụ, công việc được giao;

- Quy trình thoát hiểm trong các trường hợp khẩn cấp.

**3. Thực hành các phương pháp sơ cứu đơn giản**

Phương pháp cầm máu tạm thời.

**V. Nội dung huấn luyện chuyên ngành (Nhóm 3)**

**1. Kiến thức tổng hợp về các loại máy, thiết bị, các chất phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại**

1.1. Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 28 Luật ATVSLĐ)

- Máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.

- Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (TT36/2019).

1.2. Lập phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khi xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 29 Luật ATVSLĐ)

- Trong hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo công trình, cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, chủ đầu tư, người sử dụng lao động **phải có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động** đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường.

- Phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Địa điểm, quy mô công trình, cơ sở;

b) Liệt kê, mô tả chi tiết các hạng mục trong công trình, cơ sở;

c) Nêu rõ những yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động;

d) Các biện pháp cụ thể nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp.

1.3. Sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 30 Luật ATVSLĐ)

- Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng, phải được kiểm định theo quy định, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

- Khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

- Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

- Việc sử dụng chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất và pháp luật chuyên ngành.

1.4. Kiểm định máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (Điều 30 Luật ATVSLĐ)

- Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Việc kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải bảo đảm chính xác, công khai, minh bạch.

**2. Phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động, quy trình làm việc an toàn với máy, thiết bị, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động**

2.1. Triển khai đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 5 TT07/2016)

- Nhận diện các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại trên cơ sở tham khảo thông tin từ các hoạt động sau đây:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện lao động, quy trình làm việc có liên quan;

b) Kiểm tra thực tế nơi làm việc;

c) Khảo sát người lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc;

d) Xem xét hồ sơ, tài liệu về an toàn, vệ sinh lao động: biên bản điều tra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động; số liệu quan trắc môi trường lao động; kết quả khám sức khỏe định kỳ; các biên bản tự kiểm tra của doanh nghiệp, biên bản thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động.

- Phân tích khả năng xuất hiện và hậu quả của việc mất an toàn, vệ sinh lao động phát sinh từ yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được nhận diện.

**VI. Kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên (Nhóm 6)**

Phương pháp làm việc

- Phải kiên quyết khi cần thiết nếu phát hiện vi phạm nghiêm trọng quy trình, quy phạm an toàn.

- Luôn luôn quan hệ chặt chẽ với cán bộ an toàn vệ sinh lao động của đơn vị.

- Đi sâu sát người lao động, bám sát hiện trường nơi làm việc.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục các nhiệm vụ được giao.

- Phát hiện nhanh chóng, kịp thời những hiện tượng mất an toàn trong sản xuất của tổ để kiến nghị với người quản lý.

- Gương mẫu trong việc thực hiện các quy định an toàn, vệ sinh lao động, các quy trình, quy phạm…

- Tuyên truyền vận động thuyết phục công nhân lao động thực hiện công tác bảo hộ lao động lắng nghe ý kiến, kiến nghị của mọi người về công tác bảo hộ lao động.

**VII. Kiểm tra kết thúc khóa huấn luyện**